

Viên Nhuận Tràng OP.LIZ®

GMP-WHO

Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

CÔNG THỨC: Cho 1 viên

- Thành phần hoạt chất:

Cao đặc.....150,00 mg

Tương đương với:

Đại hoàng (*Rhizoma Rhei*).....255,00 mg

Phan tả diệp (*Folium Sennae*).....127,50 mg

Bìm bìm biếc (*Semen Pharbitidis*).....127,50 mg

Chỉ xác (*Fructus Aurantii*).....30,75 mg

Bột mịn cao mật heo (*Extractum Felle pulveratum*).....127,50 mg

Bột mịn chỉ xác (*Fructus Aurantii pulveratus*).....33,00 mg

- Thành phần tá dược:

Lactose, tinh bột ngô, natri starch glycolat, bột talc, magnesi stearat, chitofilin F, màu vàng quinolin lake, màu đỏ ponceau 4R lake, oxyd sắt đen, parafin rắn, nipasol M.

DẠNG BẢO CHẾ: Viên nén bao phim

Mô tả sản phẩm: Viên nén bao phim màu nâu, nhân bên trong màu nâu xám, mùi được liệu đặc trưng, vị đắng.

TÁC DỤNG: Thanh nhiệt vị trường, tả hạ tiêu tích.

CHỈ ĐỊNH: Trị chứng táo bón do thực nhiệt gây ra, biểu hiện táo bón, có thể có sốt cao, mạch hồng đại.

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG:

Uống vào buổi sáng và buổi tối trước khi đi ngủ.

Người lớn: uống mỗi lần 2 viên, ngày 2 lần.

Trẻ em từ 11 tuổi đến 15 tuổi: uống mỗi lần 1 viên, ngày 2 lần.

Trẻ em từ 5 tuổi đến dưới 11 tuổi: uống mỗi ngày 1 viên, uống vào buổi tối trước khi đi ngủ. Hoặc theo chỉ dẫn của bác sĩ.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Phụ nữ có thai và cho con bú, người loét dạ dày, tắc ruột, các bệnh gây viêm và mất trương lực đại tràng, viêm ruột thừa, người bị đau bụng chưa rõ nguyên nhân, tình trạng mất nước và chất điện giải nghiêm trọng, trẻ em dưới 5 tuổi.

Người mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG:

Thận trọng khi dùng cho người bị viêm khớp, bệnh thận và bệnh đường tiết niệu.

Không nên dùng liên tục trong thời gian dài.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Không được sử dụng.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC:

Chưa có bằng chứng về thuốc có ảnh hưởng lên khả năng lái xe và vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ:

a) Tương tác của thuốc:

Hạ kali máu khi sử dụng lâu dài thuốc chứa anthraquinon có thể làm tăng tác dụng của các glycosid tim và tương tác với các thuốc chống loạn nhịp, các thuốc duy trì nhịp xoang (quinidin).

Sử dụng đồng thời với các thuốc gây hạ kali máu (thuốc lợi tiểu thiazid, adrenocorticosteroid,...) có thể dẫn đến mất cân bằng điện giải.

Anthraquinon làm đổi màu nước tiểu có thể ảnh hưởng tới các xét nghiệm chẩn đoán.

b) Tương kỵ của thuốc:

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

Hiếm khi phân lỏng, bụng khó chịu. Rất hiếm khi gây đau quặn ruột.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:

Quá liều có thể gây buồn nôn, tiêu chảy dẫn đến mất nước, mất điện giải, đặc biệt là mất Kali.

Xử trí khi sử dụng quá liều gây tiêu chảy: Ngừng sử dụng thuốc và thông báo ngay với bác sĩ để có hướng xử lý.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI: Hộp 5 vỉ x 10 viên.

BẢO QUẢN: Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN: TCCS.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 028.37517111 - 028.38778899 Fax: 028.38752048

Sản xuất tại CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

TẠI BÌNH DƯƠNG - NHÀ MÁY DƯỢC PHẨM OPC - Số 09/ĐX04-TH,

Tổ 7, Khu phố Tân Hòa, Phường Tân Vĩnh Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Email: info@opcpharma.com Website: www.opcpharma.com